

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 160/2023/DSST

Ngày 29- 05 -2023

V/v hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các hội thẩm Nhân Dân:

Bà: Nguyễn Huỳnh Hương

Ông: Duyên Văn Hiền

Thư ký phiên Toà : Bà Dương Thị Thêu - Thư ký toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 690/2022 ngày 25/11/2023 về việc “ hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa ra xét xử số 185/2023, ngày 25.04.2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn :* Văn Thị T – sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn :* Lê Thanh T1 – sinh năm 1988

Nguyễn Kim Đ – sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiệnn ngày 15.11.2022 và lời trình bày của nguyên đơn tại tại hồ sơ thể hiện như sau:

Vào ngày 20.05.2018, âm lịch bà Văn Thị T mở dây hụi, loại hụi 6.000.000 đồng, dây hụi có 50 chung, mỗi tháng khai 1 lần, T1 và Đ tham gia 1 chung, ông T1 và bà Đ đóng hụi đến lần thứ 5 thì hốt hụi, số tiền hốt được là 165.000.000 đồng (chung hụi ngày 27.9.2018 có biên nhận của Đ và T1). Sau khi hốt hụi ông

T1 và bà Đ phải đóng hội chết là 45 lần với số tiền là 270.000.000 đồng, nhưng ông T1 và bà Đ có trả được 190.000.000 đồng, còn thiếu lại 80.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 80.000.000 đồng.

Đối với Bị đơn ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Kim Đ:

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn điều vắng mặt không rõ lý do, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn và bị đơn cũng không có ý kiến phản hồi về việc nguyên đơn khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hội 80.000.000 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Tòa án* : Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại huyện T, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc Hợp đồng góp hội, nên Tòa án Nhân dân huyện Trần Văn Thời, thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quyền khởi kiện*: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 186 BLTTDS.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*. Đối với bị đơn bà Nguyễn Kim Đ và ông Lê Thanh T1 Tòa án đã triệu tập họp 2 lần để xét xử nhưng bị đơn điều vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn cho rằng bị đơn làm chủ hội, hiện nay còn thiếu số tiền là 80.000.000 đồng, chưa trả nên khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền trên, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về hội, hội, biểu, phường.

[6] *Xét về nội dung khởi kiện*:

Vào ngày 20.05.2018, âm lịch bà Văn Thị T mở dây hụi, loại hụi 6.000.000 đồng, dây hụi có 50 chung, mỗi tháng khui 1 lần, T1 và Đ tham gia 1 chung (có danh sách hụi), ông T1 và bà Đ đóng hụi đến lần thứ 5 thì hốt hụi, số tiền hốt được là 165.000.000 đồng (chung hụi ngày 27.9.2018 có biên nhận của Đ và T1). Sau khi hốt hụi ông T1 và bà Đ phải đóng hụi chết là 45 lần với số tiền là 270.000.000 đồng, nhưng ông T1 và bà Đ có trả được 190.000.000 đồng, còn thiếu lại 80.000.000 đồng, dây hụi này đã năm và nguyên đơn đã xuất ra đóng thay cho bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 80.000.000 đồng.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để hòa giải và 2 lần để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt và bị đơn cũng không có ý kiến phản hồi về việc nguyên đơn khởi kiện, nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20.05.2018, âm lịch bà Văn Thị T mở dây hụi, loại hụi 6.000.000 đồng, ông T1 và bà Đ có tham gia 1 chung là có thật (có danh sách hụi có tên T1 và Đ), khui lần thứ 5 thì T1 và Đ hốt hụi với số tiền là 165.000.000 đồng (có biên nhận tiền hụi do T1 và Đ cùng ký tên nhận tiền). Quá trình hốt hụi bị đơn có đóng hụi chết cho nguyên đơn với số tiền là 190.000.000 đồng, hiện nay còn thiếu lại nguyên đơn số tiền là 80.000.000 đồng. Việc bị đơn tham gia góp hụi với nguyên đơn là có thật bởi những người tham gia chơi chung (từ bút lục 35-38) xác định bị đơn có tham gia góp hụi và có thiếu tiền hụi nguyên đơn.

Trong quá trình gian tiến hành tố tụng Tòa án đã thông báo thụ lý và các giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Kim Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Văn Thị T số tiền là 80.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 BLDS và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường.

Xét về án phí sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp 5% trên tổng giá trị phải trả cho nguyên đơn, là phù hợp với Điều 12, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án và Điều 147 BLTTDS. Đối với nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên không phải chịu án phí có giá ngạch, nguyên đơn có nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, BLTTDS, áp dụng Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường. Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án , tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Văn Thị T.

Buộc bị đơn ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Kim Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Văn Thị T số tiền hui là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm dân sự giá ngạch bị đơn ông Lê Thanh T1 và bà Nguyễn Kim Đ phải nộp là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Văn Thị T được hoàn lại án phí đã dự nộp trước là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005764 ngày 24/11/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung